

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 9 - 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 11 - 35 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Việt Nhâm | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đăng Song | Thành viên |
| Ông Phạm Hữu Tấn | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tài | Thành viên |
| Ông Hoàng Quốc Phương | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|------------------------|------------|
| Bà Dương Thị Hồng Hạnh | Trưởng Ban |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa | Thành viên |
| Bà Dương Thị Thanh Mai | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Phạm Hữu Tấn | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Huy Phương.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Hữu Tân
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Số: 39 /2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại ngày 25/02/2019.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2019

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 48.148.923.193 | 62.349.388.137 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 35.751.336.394 | 45.823.488.827 |
| Tiền | 111 | | 9.629.766.002 | 6.164.265.407 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 26.121.570.392 | 39.659.223.420 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 11.285.242.175 | 15.437.490.216 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 11.543.351.921 | 13.148.855.316 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 224.000.000 | 2.482.500.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 500.296.297 | 783.072.143 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (982.406.043) | (976.937.243) |
| Hàng tồn kho | 140 | 10 | 1.012.257.242 | 1.050.716.722 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 1.012.257.242 | 1.050.716.722 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 100.087.382 | 37.692.372 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 13 | 100.087.382 | 37.692.372 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 311.872.794.649 | 316.074.188.552 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 891.300.000 | 1.084.876.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 6 | 891.300.000 | 1.084.876.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 308.978.495.661 | 311.482.892.588 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 308.978.495.661 | 311.482.892.588 |
| - Nguyên giá | 222 | | 521.211.969.870 | 506.587.054.721 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (212.233.474.209) | (195.104.162.133) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 11 | - | 800.953.183 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | 800.953.183 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 1.170.000.000 | 1.670.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 | | 1.170.000.000 | 1.670.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 832.998.988 | 1.035.466.781 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 386.525.174 | 106.135.708 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 446.473.814 | 929.331.073 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 360.021.717.842 | 378.423.576.689 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2019
(tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 84.488.747.734 | 111.458.020.957 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 30.700.147.734 | 29.261.020.957 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 1.554.379.950 | 1.119.426.825 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 15.778.553 | 647.927.316 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 915.323.038 | 2.512.936.188 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 13.471.570.997 | 12.614.898.018 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 120.000.000 | 75.000.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 19 | 2.408.400.000 | 2.408.400.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 315.000.000 | 79.070.240 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 14 | 8.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 20 | 2.000.000.000 | 3.100.000.000 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.899.695.196 | 703.362.370 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 53.788.600.000 | 82.197.000.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 19 | 7.788.600.000 | 10.197.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 14 | 46.000.000.000 | 72.000.000.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 275.532.970.108 | 266.965.555.732 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 275.532.970.108 | 266.965.555.732 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 275.419.340 | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (482.000.000) | (482.000.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.737.835.099 | 2.477.231.411 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 23.736.664.925 | 15.576.661.228 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 1.641.960.025 | 602.365.471 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 22.094.704.900 | 14.974.295.757 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 4.246.880.744 | 4.375.493.093 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 360.021.717.842 | 378.423.576.689 |

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 23 | 159.872.648.275 | 159.549.618.762 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 159.872.648.275 | 159.549.618.762 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 95.571.795.421 | 105.642.724.763 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 64.300.852.854 | 53.906.893.999 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 2.050.184.672 | 1.698.587.061 |
| Chi phí tài chính | 22 | 26 | 7.023.386.198 | 7.997.058.333 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>7.019.369.445</i> | <i>7.997.058.333</i> |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | 29 | 527.474.007 | 304.994.065 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 28.682.863.083 | 27.933.294.758 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 30.117.314.238 | 19.370.133.904 |
| Thu nhập khác | 31 | 27 | 683.340.700 | 355.203.273 |
| Chi phí khác | 32 | 28 | 909.103.941 | 203.447.076 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (225.763.241) | 151.756.197 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 29.891.550.997 | 19.521.890.101 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 6.924.714.255 | 4.886.406.306 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 482.857.259 | (929.331.073) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 22.483.979.483 | 15.564.814.868 |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 22.094.704.900 | 14.974.295.757 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 389.274.583 | 590.519.111 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 904 | 469 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 33 | 904 | 469 |

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 29.891.550.997 | 19.521.890.101 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 18.586.645.241 | 17.141.554.371 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 5.468.800 | 3.253.366.919 |
| (Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 4.016.753 | (30.772.909) |
| (Lãi) hoạt động đầu tư | 05 | (2.361.616.798) | (1.667.814.152) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 7.019.369.445 | 7.997.058.333 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 53.145.434.438 | 46.215.282.663 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 4.565.062.559 | (5.340.012.235) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 38.459.480 | (275.232.877) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN | 11 | (2.827.618.278) | 18.258.723.465 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (342.784.476) | 3.540.826.528 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (7.019.369.445) | (7.997.058.333) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (8.513.822.028) | (3.913.599.761) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 34.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (2.527.160.281) | (1.747.444.467) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 36.518.201.969 | 48.775.484.983 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (15.644.534.693) | (21.491.493.182) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 702.727.272 | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 500.000.000 | - |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.048.541.772 | 1.657.046.926 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (12.393.265.649) | (19.834.446.256) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(tiếp theo)

| Chi tiêu | | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| | | VND | VND |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | (198.000.000) |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (24.000.000.000) | (14.000.000.000) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (10.193.072.000) | (6.495.677.350) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (34.193.072.000) | (20.693.677.350) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (10.068.135.680) | 8.247.361.377 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 45.823.488.827 | 37.545.354.541 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (4.016.753) | 30.772.909 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 35.751.336.394 | 45.823.488.827 |

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 245.018.170.000 đồng, được chia thành 24.501.817 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 187 người (tại ngày 31/12/2018 là 185 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kinh doanh dịch vụ Logistic; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế, hải quan;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và sửa chữa động cơ khác);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;
- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN**

Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty có sở hữu 01 Công ty con:

| STT | Tên | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh | Quyền sở hữu và biểu quyết |
|-----|--|---|---|----------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh | 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa | Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe có động cơ, cung ứng lao động tạm thời, dịch vụ hàng hải, cung cấp dịch vụ neo đậu tàu | 51% |

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 – Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào đơn vị khác được Công ty trích lập như sau và có thể được hoàn nhập:

- Nếu khoản đầu tư được niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của khoản đầu tư
- Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị được đầu tư.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <i>Loại tài sản</i> | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 - 39 |
| - Máy móc, thiết bị | 04 - 13 |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 02 - 09 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 - 06 |

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng tạo ra các khoản chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 120 tháng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian .. năm/tháng. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ, chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ, số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà công ty ghi nhận theo và các khoản khác. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản Công ty.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cam Ranh được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% - áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 – theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty chỉ tổ chức sản xuất kinh doanh tại một địa điểm cụ thể và cung cấp một loại dịch vụ/sản phẩm nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 2.625.802.305 | 394.791.535 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.003.963.697 | 5.769.473.872 |
| Các khoản tương đương tiền | 26.121.570.392 | 39.659.223.420 |
| | 35.751.336.394 | 45.823.488.827 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

| | 31/12/2019 | | | 01/01/2019 | | |
|--|----------------------|-----------------|-----------------------|----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 1.170.000.000 | - | (*) | 1.670.000.000 | - | (*) |
| + Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (1) | 1.170.000.000 | - | (*) | 1.170.000.000 | - | (*) |
| + Công ty Cổ phần Ô tô Cam Ranh | - | - | (*) | 500.000.000 | - | (*) |
| | 1.170.000.000 | - | (*) | 1.670.000.000 | - | (*) |

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phần nắm giữ đến 01/01/2019 là 117.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 6,5%. Ngày 20/06/2019, Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng 100% vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 1.801.800 cổ phiếu), Công ty nhận được 117.000 cổ phiếu tương ứng (phần cổ phiếu thưởng này chỉ ghi nhận tăng số lượng trên thuyết minh BCTC này và không ghi giá trị cổ phần nhận được). Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2019 là 234.000 cổ phiếu.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 11.543.351.921 | (982.406.043) | 13.148.855.316 | (976.937.243) |
| - Công ty Cổ phần tiếp vận Khánh Hưng | - | - | 3.237.240.000 | - |
| - Công ty TNHH Đá Hóa An 1 | 2.823.235.150 | - | 1.138.420.552 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại và vận tải Minh Hoàng | 3.722.638.882 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | 4.997.477.889 | (982.406.043) | 8.773.194.764 | (976.937.243) |
| Cộng | 11.543.351.921 | (982.406.043) | 13.148.855.316 | (976.937.243) |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 224.000.000 | 2.482.500.000 |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải | 133.000.000 | - |
| - Công ty CP tư vấn xây dựng T.A.L | - | 1.658.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 91.000.000 | 824.500.000 |
| Cộng | 224.000.000 | 2.482.500.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***8. PHẢI THU KHÁC**

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | 500.296.297 | - | 783.072.143 | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 55.886.567 | - | 67.243.217 | - |
| - Tạm ứng | 148.600.000 | - | 539.100.000 | - |
| - Bảo hiểm xã hội | 88.363.135 | - | 82.162.250 | - |
| - Bảo hiểm y tế | 17.913.985 | - | 15.409.760 | - |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 17.521.710 | - | 10.271.120 | - |
| - Cấp ứng NVL cho tàu CR04 và TLA05 | 55.118.570 | - | 55.118.570 | - |
| - Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 116.892.330 | - | 10.767.226 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | - | - | 3.000.000 | - |
| Dài hạn | 891.300.000 | - | 1.084.876.000 | - |
| - Tiền GPMB khu hành chính chờ khấu trừ tiền thuê đất | 791.300.000 | - | 984.876.000 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 100.000.000 | - | 100.000.000 | - |
| | 1.391.596.297 | - | 1.867.948.143 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. NỢ XẤU

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Các khoản phải thu quá hạn thanh toán | 984.022.043 | 1.616.000 | 984.022.043 | 7.084.800 |
| - Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa | 457.802.124 | - | 457.802.124 | - |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới | 113.319.150 | - | 113.319.150 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia | 99.453.843 | - | 99.453.843 | - |
| - Phải thu các khách hàng và cá nhân khác | 313.446.926 | 1.616.000 | 313.446.926 | 7.084.800 |
| | 984.022.043 | 1.616.000 | 984.022.043 | 7.084.800 |

10. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 161.626.172 | - | 295.879.064 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 255.128.540 | - | 262.603.525 | - |
| Hàng hóa | 595.502.530 | - | 492.234.133 | - |
| | 1.012.257.242 | - | 1.050.716.722 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 800.953.183 |
| - Công trình đường công cảng - Cầu cảng, hạng mục: Bê tông xi măng đường trục nội bộ T1 | - | 256.934.091 |
| - Mở rộng bến thủy nội địa | - | 542.419.092 |
| - Mua sắm tài sản cố định | - | 1.600.000 |
| | - | 800.953.183 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Cộng |
|--------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| 01/01/2019 | 455.234.655.871 | 33.139.730.684 | 17.043.466.952 | 1.169.201.214 | 506.587.054.721 |
| - Mua trong năm | - | 2.356.872.728 | 2.065.232.727 | - | 4.422.105.455 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | 11.531.482.728 | 411.328.251 | 80.571.442 | - | 12.023.382.421 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.390.572.727) | (430.000.000) | - | (1.820.572.727) |
| 31/12/2019 | 466.766.138.599 | 34.517.358.936 | 18.759.271.121 | 1.169.201.214 | 521.211.969.870 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| 01/01/2019 | (165.862.567.678) | (17.234.607.700) | (11.081.601.750) | (925.385.005) | (195.104.162.133) |
| - Khấu hao trong năm | (14.753.768.434) | (2.192.443.436) | (1.506.321.739) | (106.056.048) | (18.558.589.657) |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (1.017.607.380) | (411.670.201) | - | (1.429.277.581) |
| 31/12/2019 | (180.616.336.112) | (20.444.658.516) | (12.176.253.288) | (1.031.441.053) | (212.233.474.209) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| 01/01/2019 | 289.372.088.193 | 15.905.122.984 | 5.961.865.202 | 243.816.209 | 311.482.892.588 |
| 31/12/2019 | 286.149.802.487 | 14.072.700.420 | 6.583.017.833 | 137.760.161 | 308.978.495.661 |

- Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 4.415.724.313 đồng.
- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay là: 236.295.879.733 đồng (tại ngày 31/12/2018 là: 245.330.513.557 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 100.087.382 | 37.692.372 |
| - Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản | 80.178.382 | 17.759.472 |
| - Chi phí trả trước khác | 19.909.000 | 19.932.900 |
| Dài hạn | 386.525.174 | 106.135.708 |
| - Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa | 55.199.236 | 65.234.836 |
| - Công cụ dụng cụ | 4.052.872 | 40.900.872 |
| - Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 327.273.066 | - |
| | 486.612.556 | 143.828.080 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| Nội dung | 31/12/2019 | | Trong năm | | 01/01/2019 | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i> | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*) | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Vay dài hạn | 46.000.000.000 | 46.000.000.000 | - | 26.000.000.000 | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*) | 46.000.000.000 | 46.000.000.000 | - | 26.000.000.000 | 72.000.000.000 | 72.000.000.000 |
| | 54.000.000.000 | 54.000.000.000 | 8.000.000.000 | 32.000.000.000 | 78.000.000.000 | 78.000.000.000 |

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25 tháng 12 năm 2015 để đầu tư dự án xây dựng bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh với các điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Thời hạn cho vay: 12 năm;
- + Kỳ hạn thanh toán cuối cùng: Năm 2027;
- + Lãi suất bình quân: 9,5%/năm;
- + Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất)

15. TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 1.554.379.950 | 1.554.379.950 | 1.119.426.825 | 1.119.426.825 |
| - Công ty Cổ phần dịch vụ Biển Tân Cảng | 467.500.000 | 467.500.000 | 288.750.000 | 288.750.000 |
| - Các đối tượng khác | 1.086.879.950 | 1.086.879.950 | 830.676.825 | 830.676.825 |
| | 1.554.379.950 | 1.554.379.950 | 1.119.426.825 | 1.119.426.825 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2019 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2019 |
|--|----------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế và các khoản phải nộp | | | | |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 290.459.503 | 6.505.306.610 | 6.668.620.641 | 127.145.472 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.873.237.271 | 6.924.714.255 | 8.513.822.028 | 284.129.498 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 349.239.414 | 1.190.087.574 | 1.035.278.920 | 504.048.068 |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 370.798.583 | 370.798.583 | - |
| - Thuế bảo vệ môi trường | - | 7.000.000 | 7.000.000 | - |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 372.726.710 | 372.726.710 | - |
| | 2.512.936.188 | 15.370.633.732 | 16.968.246.882 | 915.323.038 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|----------------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 120.000.000 | 75.000.000 |
| - Trích trước chi phí khác | 120.000.000 | 75.000.000 |
| | 120.000.000 | 75.000.000 |

18. PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 315.000.000 | 79.070.240 |
| - Kinh phí công đoàn | - | 8.970.240 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 305.000.000 | 60.100.000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 10.000.000 | 10.000.000 |
| | 315.000.000 | 79.070.240 |

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 2.408.400.000 | 2.408.400.000 |
| - Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi | 2.408.400.000 | 2.408.400.000 |
| b) Dài hạn | 7.788.600.000 | 10.197.000.000 |
| - Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi | 7.788.600.000 | 10.197.000.000 |
| | 10.197.000.000 | 12.605.400.000 |

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 2.000.000.000 | 3.100.000.000 |
| - Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định | 2.000.000.000 | 3.100.000.000 |
| | 2.000.000.000 | 3.100.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|--|------------------------------|----------------------------|----------------------|--------------------------|---|---------------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| 01/01/2018 | 245.018.170.000 | - | (284.000.000) | 2.407.553.411 | 8.100.178.721 | 4.162.297.082 | 259.404.199.214 |
| - Lãi trong năm 2018 | - | - | - | - | 14.974.295.757 | 590.519.111 | 15.564.814.868 |
| - Mua lại cổ phiếu đã phát hành | - | - | (198.000.000) | - | - | - | (198.000.000) |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | 69.678.000 | (7.497.813.250) | - | (7.428.135.250) |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 | - | - | - | - | (1.309.781.000) | - | (1.309.781.000) |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2017 | - | - | - | 69.678.000 | (69.678.000) | - | - |
| + Chia cổ tức năm 2017 | - | - | - | - | (6.118.354.250) | (377.323.100) | (6.495.677.350) |
| 31/12/2018 | 245.018.170.000 | - | (482.000.000) | 2.477.231.411 | 15.576.661.228 | 4.375.493.093 | 266.965.555.732 |
| 01/01/2019 | 245.018.170.000 | - | (482.000.000) | 2.477.231.411 | 15.576.661.228 | 4.375.493.093 | 266.965.555.732 |
| - Lãi trong năm | - | - | - | - | 22.094.704.900 | 389.274.583 | 22.483.979.483 |
| - Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | - | 536.023.028 | (13.934.701.203) | (517.886.932) | (13.916.565.107) |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 536.023.028 | (536.023.028) | - | - |
| + Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 | - | - | - | - | (3.617.206.175) | (106.286.932) | (3.723.493.107) |
| + Chi trả cổ tức | - | - | - | - | (9.781.472.000) | (411.600.000) | (10.193.072.000) |
| - Tăng, giảm khác | - | 275.419.340 | - | (275.419.340) | - | - | - |
| 31/12/2019 | 245.018.170.000 | 275.419.340 | (482.000.000) | 2.737.835.099 | 23.736.664.925 | 4.246.880.744 | 275.532.970.108 |

(*) Khoản phân phối Lợi nhuận theo nghị quyết số 01/2019/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 12/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV | 198.230.150.000 | 198.230.150.000 |
| - Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân | 34.971.020.000 | 34.971.020.000 |
| - Các cổ đông khác | 11.817.000.000 | 11.817.000.000 |
| | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| + Vốn góp đầu năm | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| - Cổ tức đã chia | 9.781.472.000 | 6.118.354.250 |

21.4 CỔ PHIẾU

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-------------------|-------------------|
| | CP | CP |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 24.501.817 | 24.501.817 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.501.817 | 24.501.817 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 24.501.817 | 24.501.817 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (48.200) | (48.200) |
| + Cổ phiếu phổ thông | (48.200) | (48.200) |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 24.550.017 | 24.550.017 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 24.550.017 | 24.550.017 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i> | <i>10.000</i> | <i>10.000</i> |

21.5 CÁC QUỸ

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 2.737.835.099 | 2.477.231.411 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---------------------------|------------|------------|
| | VND | VND |
| Ngoại tệ các loại: | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 80.292,82 | 80.306,02 |

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu | 159.872.648.275 | 159.549.618.762 |
| - Doanh thu bán hàng | 30.956.175.401 | 29.424.263.032 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 128.916.472.874 | 130.125.355.730 |
| | 159.872.648.275 | 159.549.618.762 |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| - Giá vốn hàng hóa đã bán | 24.530.323.980 | 26.955.621.149 |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 71.041.471.441 | 78.687.103.614 |
| | 95.571.795.421 | 105.642.724.763 |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.657.184.672 | 1.240.814.152 |
| - Lãi bán các khoản đầu tư | 42.000.000 | - |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 351.000.000 | 427.000.000 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 30.772.909 |
| | 2.050.184.672 | 1.698.587.061 |

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 7.019.369.445 | 7.997.058.333 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. | 4.016.753 | - |
| | 7.023.386.198 | 7.997.058.333 |

27. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 311.432.126 | - |
| - Tiền thu bồi thường | - | 302.770.000 |
| - Các khoản khác | 371.908.574 | 52.433.273 |
| | 683.340.700 | 355.203.273 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***28. CHI PHÍ KHÁC**

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| - Chi phí bồi thường | - | 175.600.000 |
| - Các khoản bị phạt | 404.723.923 | 16.447.076 |
| - Các khoản chi phí khác | 504.380.018 | 11.400.000 |
| | 909.103.941 | 203.447.076 |

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | 28.682.863.083 | 27.933.294.758 |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 16.179.403.418 | 18.646.203.300 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 140.611.626 | 1.711.576.650 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 122.670.821 | - |
| - Chi phí khấu hao Tài sản cố định | 928.810.175 | 819.102.048 |
| - Chi phí dự phòng | 5.468.800 | 153.366.919 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.821.331.924 | 5.049.230.295 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 1.484.566.319 | 1.553.815.546 |
| <i>Các khoản chi phí bán hàng</i> | 527.474.007 | 304.994.065 |
| - Chi phí nhân viên | 396.200.000 | 203.020.000 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 49.537.644 | 40.397.178 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 81.736.363 | 61.576.887 |
| | 29.210.337.090 | 28.238.288.823 |

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nguyên vật liệu | 4.475.733.591 | 8.763.331.520 |
| - Chi phí nhân công | 49.264.744.851 | 50.876.622.847 |
| - Khấu hao tài sản cố định | 18.586.645.241 | 17.141.554.371 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 29.381.847.708 | 28.282.078.023 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 3.207.514.382 | 1.861.805.676 |
| | 104.916.485.773 | 106.925.392.437 |

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: | 6.924.714.255 | 4.886.406.306 |
| - Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh | 6.744.388.431 | 4.608.255.726 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hải cảng Cam Ranh | 180.325.824 | 278.150.580 |
| | 6.924.714.255 | 4.886.406.306 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 22.094.704.900 | 14.974.295.757 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | - | 3.506.581.000 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP) | 24.453.617 | 24.465.280 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) | 904 | 469 |
| (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | | |
| | Năm 2019 | Năm 2018 |
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 22.094.704.900 | 14.974.295.757 |
| ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành | | |
| | Năm 2019 | Năm 2018 |
| | CP | CP |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm | 24.453.617 | 24.473.417 |
| Ảnh hưởng của Cổ phiếu phổ thông Công ty mua lại trong năm | - | (8.137) |
| Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm | 24.453.617 | 24.465.280 |

(*) Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm 2019 chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG NĂM

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường | 24.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| | 24.000.000.000 | 8.000.000.000 |

35. THÔNG TIN KHÁC**34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

| Công ty | Mối quan hệ |
|----------------------------------|-------------|
| - Tổng Công ty hàng hải Việt Nam | Công ty mẹ |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau: | | |
| Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty | 1.746.403.456 | 2.037.916.400 |
| Cộng | 1.746.403.456 | 2.037.916.400 |

Giao dịch với các bên liên quan

| | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | | |
| Chia cổ tức cho Tổng công ty | 7.929.206.000 | 4.955.753.750 |

34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã được kiểm toán.

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn

